

Bản án số: 07/2018/HS-ST

Ngày: 01-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Thân.

2. Ông Trần Ngọc Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 75/2017/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Vũ Văn L, sinh năm 1982; Tại: HT, HT, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn x, xã HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn L(Đã chết) và bà Phạm Thị G; Vợ: Nguyễn Thị T; Con: 01 con sinh năm 2009; Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án, Ngày 26/8/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 26/02/2016.

Tạm giữ từ ngày 18/10/2017 đến ngày 27/10/2017 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Chị Tôn Thị H, sinh năm 1983.

Trú tại: Số 8, đường LDC, khu 5, phường P, thị xã BS, Thanh Hóa. Vắng mặt(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Nguyên đơn dân sự: Bệnh viện Đa khoa huyện HT tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Sỹ H - Chức vụ: Trưởng phòng hành chính - Quản trị. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Đinh Ngọc Q, sinh năm 1992; Trú tại: Thôn 5, xã HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1978; Nơi công tác: Công an huyện HT, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987; Nơi công tác: Công an huyện HT, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Anh Bùi Như L, sinh năm 1974; Trú tại: Thôn y, xã HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị G, sinh năm 1952; Trú tại: Thôn x, xã HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích đi tìm tài sản để trộm cắp nên chiều ngày 18/10/2017 Vũ Văn L đi lên thị trấn HT; Khoảng 14 giờ cùng ngày Vũ Văn L đi bộ đến cửa hàng Mobiphone thuộc Tiểu khu 3, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa, phát hiện xe mô tô Biển kiểm soát 36U8-1804 đang dựng ở vỉa hè trước cửa hàng, ổ khóa xe đang cắm sẵn chìa khóa. Quan sát xung quanh không thấy có người để ý nên L ngồi lên yên xe, bật khóa điện đề nổ máy, ngay lúc đó chị Tôn Thị H, sinh năm 1983 ở khu 5, phường Phú Sơn, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa là chủ xe đang ở trong cửa hàng nhìn thấy L lấy xe mô tô của mình nên đã tri hô mọi người vây bắt L. Cùng lúc này có 02 đồng chí cán bộ Công an huyện HT là Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Văn D đang làm nhiệm vụ gần đó, thấy chị H chi hô và nhìn thấy L chạy xe máy về hướng cầu Đò Lèn nên đã đuổi theo. L chạy xe điều khiển về nhà ở thôn 6, xã HT, huyện HT để cất dấu nhưng bị mọi người truy đuổi và bắt quả tang, lập biên bản phạm tội quả tang, đưa L cùng tang vật về Công an huyện HT để giải quyết.

Quá trình điều tra Vũ Văn L còn khai nhận ngoài lần phạm tội bắt quả tang về hành vi trộm cắp xe mô tô của chị H ngày 18/10/2017 thì ngày 06/10/2017 Vũ Văn L còn thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản tại Bệnh viện Đa KH huyện HT. Vào khoảng 20 giờ ngày 06/10/2017 Vũ Văn L đi đến Bệnh viện Đa KH huyện HT nhằm mục đích tìm tài sản để trộm. L đi vào khu nhà khám bệnh, lên tầng 2 vào phòng 207 bằng cửa sau, lấy 01 cây CPU hiệu HD và 01 màn hình máy tính hiệu Sam Sung bỏ vào túi ni lông xách ra ngoài tẩu thoát. Đến ngày 10/10/2017 L gặp anh Bùi Như L, sinh năm 1974 ở thôn 4, xã HT, huyện HT, L gạ bán cho anh L màn hình máy tính và cây CPU đã trộm được ở Bệnh viện Đa KH huyện HT. Sau đó hai người mang bộ máy vi tính ra quán anh Đinh Ngọc Q ở thôn 5 xã HT để thử. Quá trình cắm điện để thử máy do máy tính không hoạt động được nên anh L không mua; Lúc này L có nói với anh Q là bán cho anh Q với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), anh Q đồng ý mua. Đến ngày 24/10/2017 anh Q biết được bộ máy vi tính mà L bán cho mình là tài sản do trộm cắp mà có, nên anh Q đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết L định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện HT ngày 23/10/2017 kết L chiếc xe mô tô hiệu Honda WeveS biển kiểm soát 36U8-1804, số máy HC12E1520282, số khung 12049Y5 -9424 có giá trị 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại bản kết L định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện HT ngày 24/10/2017 kết L: 01 màn hình máy vi tính nhãn hiệu Sam Sung màu đen đã cũ và 01 cây CPU không có nắp ốp bên ngoài đã cũ có giá trị 4.000.000đ(*Bốn triệu đồng*).

Sau khi định giá tài sản Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện HT đã trả lại xe mô tô cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Tôn Thị H, trả lại cho Bệnh Viện đa KH huyện HT 01 màn hình máy tính và 01 cây CPU mà L đã trộm cắp. Chị H, Nguyên đơn dân sự là Bệnh viện đa KH huyện HT đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Đối với anh Đinh Ngọc Q, người đã mua 01 màn hình máy tính và 01 cây CPU mà L đã trộm cắp với giá 200.000đ, khi mua anh không biết tài sản do trộm cắp mà có, anh có yêu cầu bị cáo phải trả lại tiền cho anh.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS-SH ngày 27/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Vũ Văn L về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, đại diện VKSND vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm o, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt Vũ Văn L từ 27 đến 30 tháng tù. Buộc Vũ Văn L phải trả cho anh Đinh Ngọc Q 200.000đ tiền đã đưa cho L khi mua 01 màn hình máy tính và cây CPU.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai người bị hại, đại diện nguyên đơn dân sự, nhân chứng với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết L: Khoảng 20 giờ ngày 06/10/2017 tại phòng 207 khu nhà khám bệnh, bệnh viện Đa KH huyện HT, Vũ Văn L đã lén lút trộm cắp 01 màn hình máy vi tính nhãn hiệu Sam Sung màu đen đã cũ và 01 cây CPU không có nắp ốp bên ngoài đã cũ có giá trị 4.000.000đ(*Bốn triệu đồng*). Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 18/10/2017, tại cửa hàng Mobiphone thuộc tiểu khu 3, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa Vũ Văn L có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda WeveS biển kiểm soát 36U8 -1804 trị giá 9.800.000đ(*Chín triệu tám trăm nghìn đồng*) của chị Tôn Thị H ở khu 5 phường Phú Sơn, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa thì bị phát hiện truy đuổi, bắt quả tang cùng tang vật. Tổng giá trị tài sản 02 lần bị cáo trộm cắp là

13.800.000đ (*Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng*). Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT giữ nguyên quyết định truy tố Vũ Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi của bị cáo: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân, xâm hại đến trật tự quản lý xã hội, bản thân bị cáo đang có 01 tiền án, vừa mới ra tù, bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần; do vậy cần xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tương xứng với hành vi hậu quả mà các bị cáo đã gây ra, nhằm cải tạo các bị cáo thành người lương thiện và làm bài học giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, quá trình điều tra bị cáo tự thú về hành vi trộm cắp tài sản tại Bệnh viện Đa kH huyện HT là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo đang có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, bị cáo hai lần thực hiện hành vi phạm tội là phạm tội nhiều lần, đây là những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Nên xem xét một mức án nghiêm khắc, tương xứng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ Luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*” do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, đang ở cùng gia đình, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về phần bồi thường: Người bị hại, Nguyên đơn dân sự đã nhận lại tài sản, không yêu cầu thêm gì nên miễn xét.

[7]. Trong vụ án này anh Đinh Ngọc Q là người mua 01 màn hình máy vi tính và 01 cây CPU của Vũ Văn L nH1 anh Q không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên Viện kiểm sát không truy tố anh Q về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” phù hợp. Số tiền 200.000đ bị cáo có được từ việc bán màn hình máy tính và 01 cây CPU cho anh Đinh Ngọc Q bị cáo phải trả lại cho anh Q theo yêu cầu của anh Q.

[8]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1, Điều 138; điểm o, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Vũ Văn L 30 (*Ba mươi*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ (Ngày 18/10/2017).

2. Về dân sự: Áp dụng điều 42 Bộ luật hình sự 1999; Buộc Vũ Văn L phải trả số tiền 200.000đ(*Hai trăm nghìn đồng*) cho anh Đinh Ngọc Q.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Q có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải trả cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng Vũ Văn L, còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Vũ Văn L phải chịu 200.000đ(*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị H, Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ; anh Q có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện HT;
- Công an huyện HT;
- Bị cáo;
- Chị H, anh Q;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

